

## PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH

Nguyễn Văn Nhiễm<sup>1\*</sup>, Nguyễn Thị Minh Hiền<sup>2</sup>

<sup>1</sup>UBND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

<sup>2</sup>Học viện Nông nghiệp Việt Nam

### TÓM TẮT

Vụ đông ngày càng đóng vai trò quan trọng trong khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh Thái Bình, góp phần giải quyết việc làm và tăng thêm thu nhập cho lao động ở nông thôn. Phát triển vụ đông trên địa bàn tỉnh Thái Bình trong những năm qua đạt được những thành tựu quan trọng trên tất cả các khía cạnh: quy mô diện tích, hình thức tổ chức sản xuất, cơ sở hạ tầng, nguồn lực sản xuất, kỹ thuật canh tác, tiêu thụ, liên kết và hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường. Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại một số vấn đề liên quan đến tính ổn định trong tiêu thụ sản phẩm, đầu tư nguồn lực sản xuất, hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ. Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng phát triển sản xuất vụ đông tại tỉnh Thái Bình, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường phát triển sản xuất vụ đông trên địa bàn tỉnh.

**Từ khoá:** Giải pháp, phát triển, vụ đông, Thái Bình

### ĐẶT VẤN ĐỀ

Thái Bình là tỉnh thuần nông, những năm qua tỉnh xác định vụ đông là vụ quan trọng góp phần giải quyết việc làm, thu nhập cho các hộ nông dân. Do đó, hàng năm tỉnh bố trí trồng 38.000 ha cây vụ đông chiếm 46,7% tổng diện tích gieo trồng của toàn tỉnh. Trong đó đặc biệt địa phương chú trọng phát triển sản xuất cây vụ đông ưa ấm với việc bố trí khoảng 25.000 - 30.000 ha trà lúa mùa sớm để tạo quỹ đất cho sản xuất cây vụ đông ưa ấm. Hiện nay cũng có các mô hình cây vụ đông hiệu quả với các loại cây vụ đông ưa ấm như cà chua, dưa hấu, dưa chuột, ớt... dưa giá trị sản xuất/ha ở nhiều vùng đạt từ 190 - 220 triệu đồng/ha/năm, lợi nhuận thu được từ 80 đến 100 triệu đồng/ha/năm.

Để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, phát triển vụ đông theo hướng tạo ra những vùng sản xuất hàng hóa tập trung, có giá trị thu nhập cao, giúp nông dân cải thiện cuộc sống cũng như đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội là trách nhiệm không chỉ từ phía chính quyền mà cần phải huy động và phát huy vai trò của toàn xã hội thông qua việc khuyến khích doanh nghiệp liên kết, ký kết hợp đồng sản xuất, tiêu thụ nông sản với nông dân; phát

triển các nhóm nông dân hợp tác tự nguyện, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; một thực tế là việc bỏ ruộng, bỏ vụ thứ 3 hoặc cây vụ đông vẫn diễn ra ở tỉnh Thái Bình.

Nghiên cứu này tập trung đánh giá thực trạng phát triển sản xuất cây vụ đông ở tỉnh Thái Bình, từ đó đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường phát triển sản xuất vụ đông trên địa bàn tỉnh trong những năm tới.

### THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN VỤ ĐÔNG Ở TỈNH THÁI BÌNH

#### Phát triển qui mô và cơ cấu cây trồng vụ đông

Cây vụ đông hiện được trồng ở hầu hết các huyện thị trong tỉnh, tuy nhiên diện tích đất chuyên trồng cây vụ đông không nhiều, phần lớn diện tích được trồng vào vụ đông xen giữa 2 vụ lúa hoặc một vụ lúa và một vụ cây cận khác. Hiện nay tỉnh xác định hai loại cây trồng vụ đông là cây vụ đông ưa ấm gồm: cây ớt, ngô, đậu tương, dưa bí và cây vụ đông ưa lạnh: Khoai tây, cà rốt, xu hào, bắp cải, hành tỏi.

Diện tích cây trồng vụ đông trong những năm gần đây tuy không ổn định ở mỗi nhóm cây trồng nhưng xu hướng toàn tỉnh tăng lên (xem bảng 1).

\* Tel: 0982 010374, Email: nhiemnp@yahoo.com.vn

**Bảng 1.** Diện tích và cơ cấu diện tích cây trồng vụ đông ở tỉnh Thái Bình, 2011 - 2015

TT	Cây trồng	Năm 2011		Năm 2013		Năm 2015		So sánh 2015/2011 (%)
		Diện tích (1.000 ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (1.000 ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (1.000 ha)	Cơ cấu (%)	
1	Ngô	10,81	27,63	8,90	22,26	7,64	19,07	70,68
2	Khoai Tây	2,37	6,05	2,56	6,39	2,77	6,92	117,1
3	Xu hào, bắp cải	5,94	15,2	6,17	15,42	6,82	17,03	114,7
4	Ốt	6,58	16,83	7,80	19,49	8,49	21,21	129,1
5	Đậu tương	0,81	2,06	2,22	5,56	1,67	4,17	207,3
6	Hành tỏi	0,18	0,45	0,27	0,67	0,39	0,97	220,7
7	Khoai lang	8,86	22,65	7,59	18,98	6,22	15,53	70,21
8	Dưa bí	0,77	1,97	1,11	2,78	1,15	2,88	149,7
9	Cây vụ đông khác	2,80	7,15	3,38	8,45	4,89	12,22	175,00
	<b>Cộng</b>	<b>39,11</b>	<b>100</b>	<b>40</b>	<b>100</b>	<b>40,05</b>	<b>100</b>	<b>102,4</b>

Nguồn: Chi cục Trồng trọt và BVTV tỉnh Thái Bình, 2015

### Phát triển hình thức tổ chức sản xuất cây vụ đông

*Một là*, phát triển các liên kết doanh nghiệp và người dân trong sản xuất cây vụ đông; đến nay số doanh nghiệp đầu tư vào phát triển sản xuất vụ đông có xu hướng giảm, đặc biệt là từ sau năm 2009 số doanh nghiệp sản xuất vụ đông giảm đáng kể. Xu thế doanh nghiệp đầu tư vào trồng trọt có xu hướng ổn định nhưng ở mức thấp; chỉ có 18 doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất vụ đông trên địa bàn và chỉ đầu tư theo hình thức liên kết với các tổ hợp tác, hợp tác xã.

*Hai là*, phát triển Tổ hợp tác trong sản xuất cây vụ đông. Mô hình Tổ hợp tác được hình thành trên cơ sở Nghị định 151/2007/NĐ-CP, đây là mô hình các hộ dân tự nguyện hợp tác nhằm cùng có lợi với điều kiện có từ ba cá nhân trở lên, cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện những công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm.

Tính đến năm 2015, trên địa bàn Thái Bình đã xây dựng được 280 THT, tăng 55,4% so với năm 2010, bình quân mỗi năm tăng 13,85%; số nông hộ tham gia THT cũng tăng lên nhanh chóng nếu năm 2012 (1.785 hộ) năm 2013 (4.164 hộ) tham gia mô hình THT sản xuất. Bình quân mỗi THT nông nghiệp có 20 tổ viên tham gia. Điều đó cho thấy trong quá trình xây dựng nông thôn mới, người nông dân ngày càng nhận thức được lợi ích to lớn

của mô hình sản xuất THT, giúp gia tăng hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp.

*Ba là*, phát triển Hợp tác xã trong sản xuất cây vụ đông. Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế nói chung, các HTX đã thể hiện vai trò nòng cốt trong quy hoạch, phân vùng, bố trí sản xuất, thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, phát triển vụ đông. Tuy nhiên, vì ảnh hưởng tư duy cũ, nhận thức về HTX của người dân, của các cấp ủy, chính quyền và các ngành còn rất hạn chế. Bởi chưa được quan tâm đúng mức, nên hầu hết các HTX thiếu vốn, không có tài sản để thế chấp vay vốn do cơ sở vật chất nghèo. Thái Bình vẫn chưa có Quỹ hỗ trợ phát triển HTX, chưa có ban chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể. Hệ lụy dẫn đến việc tư vấn hỗ trợ phát triển HTX gặp nhiều khó khăn. Kết quả phát triển mô hình HTX mới, điển hình chưa nhiều.

*Bốn là*, phát triển trang trại trong sản xuất cây vụ đông. Mô hình kinh tế trang trại đã tạo ra bước chuyển cơ bản về giá trị sản phẩm hàng hóa, và thu nhập của trang trại vượt trội hẳn so với kinh tế hộ. Kết quả tổng hợp cho thấy từ năm 2011 đến 2014 số trang trại ở Thái Bình có xu hướng tăng lên với tổng số trang trại từ 524 trang trại năm 2011 đến năm 2014 là 721 trang trại. Có thể nói, kinh tế trang trại phát triển đã tạo ra khối lượng hàng hóa lớn, tạo động lực thúc đẩy phát triển nông nghiệp nói chung và phát triển cây vụ đông nói riêng.

**Bảng 2.** Điều kiện sản xuất của các nhóm hộ năm 2015

Đơn vị tính: bình quân/1 hộ

Chỉ tiêu	Nhóm hộ có vốn đầu tư			So sánh (%)			
	ĐVT	≥ 7 tr. đ (1)	5 - 6 tr. đ (2)	< 5 tr. đ (3)	1/2	2/3	1/3
<b>1. Đất đai</b>							
Diện tích canh tác	Sào	8,58	5,52	3,76	155,43	146,81	228,19
DT có thể sản xuất cây vụ đông	Sào	5,29	3,36	1,73	157,44	194,22	305,78
DT SX vụ đông	Sào	3,41	1,92	1,01	177,60	190,10	337,62
<b>2. Lao động</b>							
LĐ Nông nghiệp	LĐ	2,37	2,28	2,09	87,50	156,94	137,32
Số năm đi học của chủ hộ	Năm	10,87	8,19	6,25	-	-	-
DT canh tác /LĐNN	Sào /đ	2,98	1,67	1,79	178,44	93,30	166,48
<b>3. Vốn chủ động</b>							
	Tr.đ	3,15	1,28	0,65	246,09	196,92	484,62

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, 2015

**Phát triển nguồn lực cho sản xuất cây vụ đông**

Nguồn lực cho phát triển cây vụ đông được xác định gồm các loại nguồn lực như: đất đai, lao động, vốn đầu tư. Đây là những nhân tố sẽ quyết định quy mô sản xuất từ đó ảnh hưởng đến kết quả và hiệu quả sản xuất cây vụ đông.

*Về đất đai:* Diện tích đất có thể trồng cây vụ đông so với diện tích canh tác của các nhóm hộ nhìn chung còn ít. Sở dĩ như vậy là do điều kiện sinh thái nông nghiệp của các vùng khác nhau dẫn đến chất đất phù hợp cho canh tác cây vụ đông cũng khác nhau. Với nguồn lực đất đai có hạn, các địa phương ở tỉnh Thái Bình đã áp dụng những chiến lược khác nhau để tăng cường phát triển cây vụ đông. Đối với những địa phương có kinh nghiệm trồng cây vụ đông sẽ mở rộng tối đa diện tích quy mô vụ đông trên đất hai lúa. Những địa phương có quỹ đất thít nhiều, thuận lợi về thủy lợi nhưng diện tích cây vụ đông quá ít sẽ tổ chức quy hoạch thành vùng tập trung theo từng cánh đồng, từng khu vực.

*Về lao động:* Trong sản xuất nông nghiệp nói chung và sản xuất cây vụ đông nói riêng, lực lượng lao động đang có xu hướng giảm trong những năm gần đây. Quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa đang diễn ra mạnh mẽ đã thu hút nguồn lao động nông thôn (đặc biệt là lao động trẻ) vào làm việc trong các nhà máy, công ty, các khu công nghiệp trên địa bàn hoặc đổ vào các thành phố lớn; do đó lực lượng lao động ở nông thôn cũng đang có hiện tượng già hóa.

*Về vốn:* Cây vụ đông tuy có thời gian sinh trưởng ngắn nhưng đòi hỏi đầu tư lớn trong

khâu chăm sóc, phòng và trị sâu bệnh cho cây trồng. Hiện nay ở Thái Bình, tình trạng hộ nông dân thiếu vốn phục vụ sản xuất cây vụ đông đã và đang diễn ra phổ biến. Tình trạng này đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, đặc biệt là đầu tư vào các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế cao như Dưa bao tử, Cà chua, các loại rau, củ trái vụ. Để có vốn phát triển sản xuất, hộ nông dân đã tìm cách tiếp cận đến nhiều loại nguồn vốn khác nhau. Nhưng số lượng vốn vay không đủ đáp ứng nhu cầu sản xuất của hộ, bình quân mỗi hộ gia đình sản xuất cây vụ đông cần đầu tư từ 5- 6 triệu đồng/hộ/vụ. Trong đó vốn lưu động từ hộ chiếm khoảng 30% (chủ yếu là từ việc bán thóc vụ mùa) còn lại hộ phải đi vay thông qua các kênh khác nhau (xem bảng 2).

**Phát triển cơ sở hạ tầng cho sản xuất cây vụ đông**

Hoạt động phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển cây vụ đông được tỉnh Thái Bình chủ trương triển khai toàn diện trên tất cả các mặt từ giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, công trình thủy lợi, hệ thống kênh mương, chợ đầu mối (xem bảng 3).

Tính đến hết năm 2015, tổng lượng ngân sách thực tế đã hỗ trợ cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh Thái Bình là 1.530,5 tỷ đồng. Trong đó, hỗ trợ cho việc xây dựng và nâng cấp đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng chiếm tỉ lệ cao nhất là 50,55%, sau đó là hệ thống công trình thủy lợi nội đồng chiếm 15,13% tổng vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng.

**Bảng 3. Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển cây vụ đông tỉnh Thái Bình, 2015**

Nội dung	Đơn vị tính	2011	2013	2015
<b>Giao thông</b>				
Số km đường giao thông được làm mới	Km	502,71	829,93	1.715,29
Số km đường được nâng cấp	Km	797,12	784,93	1.203,63
<b>Giao thông nội đồng</b>				
Số km đường trục chính nội đồng được cứng hóa	Km	268,71	593,6	866,02
Số km đường trục chính nội đồng được nâng cấp	Km	313,23	882,98	901,53
<b>Công trình thủy lợi</b>				
Số trạm bơm được xây mới	CT	10	21	26
Số km kênh mương	Km	432,48	607,38	991,63
<b>Số chợ đầu mối huyện</b>	Chợ	0	9	9

Nguồn: Sở Công thương tỉnh Thái Bình, 2016

**Bảng 4. Tỷ lệ hộ sử dụng các nguồn giống để gieo trồng cây vụ đông ở Thái Bình**

STT	Tiêu chí	Đơn vị tính: %					
		2005	2007	2009	2011	2014	BQ
1	Sử dụng giống gia đình	42,22	35,56	18,89	21,11	13,33	26,22
2	Mua giống của người dân khác	10,00	4,44	5,56	6,67	4,44	6,22
3	Mua giống của HTX	31,11	17,78	25,56	21,11	22,22	23,56
4	Mua giống của đại lý	13,33	10,00	17,78	27,78	31,11	20,00
5	Mua giống ở doanh nghiệp	3,33	32,22	32,22	23,33	28,89	24,00
<b>Cộng</b>		<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát, 2015

Đối với chợ đầu mối hiện toàn tỉnh có 9 chợ đầu mối, bình quân mỗi huyện có một chợ đầu mối. Tuy nhiên do địa hình các huyện trải dài, bình quân mỗi huyện có gần 40 xã nên việc mỗi huyện hiện chỉ có 1 chợ đầu mối chưa đáp ứng được nhu cầu thu gom, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Nổi bật trong thời gian qua là địa phương áp dụng chính sách hỗ trợ xi măng, cát sỏi, công (chiếm khoảng 50% kinh phí xây dựng), cộng đồng dân cư hiến đất, giải phóng mặt bằng, góp tiền, công lao động và vật liệu khác nên đã thúc đẩy tiến độ phát triển giao thông nhanh hơn trước.

*Phát triển kỹ thuật trong sản xuất cây vụ đông*

*Một là, sử dụng giống cây vụ đông:* Áp dụng kỹ thuật trong sử dụng giống cây vụ đông được thể hiện qua việc lựa chọn mua giống mới tại doanh nghiệp, HTX, đại lý hay việc hộ tự để giống cho vụ sau.

Kết quả khảo sát hộ trồng cây vụ đông tại Thái Bình cho thấy mặc dù tỉ lệ mua giống mới ở các cơ sở uy tín và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tăng lên nhưng việc để giống và sử dụng giống của gia đình vẫn chưa triệt để (26,22%) vì để giống cho vụ sau giúp hộ dân không mất chi phí mua giống.

*Hai là, kỹ thuật và biện pháp canh tác:* Xu thế thay đổi rõ nhất trong biện pháp canh tác của người dân là tỉ lệ hộ dân sử dụng phân hữu cơ ngày càng giảm, thay vào đó là việc các hộ dân sử dụng tăng lượng phân hóa học và phân vi sinh. Cụ thể theo số liệu tổng hợp khi điều tra cho thấy hộ sử dụng phân chuồng là chủ yếu giảm từ 57,78% xuống còn 22,22% sau 10 năm, con số này sẽ ít hơn nhiều nếu không tính việc hộ sử dụng nước phân để tưới cho cây rau màu.

**Bảng 5. Tỷ lệ hộ sử dụng phân trong sản xuất cây vụ đông**

STT	Tiêu chí	Đơn vị tính: %					
		2007	2009	2011	2013	2015	BQ
1	Sử dụng phân chuồng là chủ yếu	57,78	46,67	31,11	24,44	22,22	36,44
2	Sử dụng phân vô cơ là chủ yếu	31,11	38,89	47,78	54,44	56,67	45,78
3	Sử dụng phân vi sinh là chủ yếu	11,11	14,44	21,11	21,11	21,11	17,78
<b>Cộng</b>		<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát, 2015

Các hộ sử dụng phân chuồng chủ yếu là phân lợn, phân gà được ủ hoai mục hoặc bán hoai mục rồi trộn với tro bếp hoặc phân lân để bón lót trước khi trồng, rất ít hộ sử dụng phân chuồng từ trâu, bò. Bên cạnh đó người dân hay sử dụng nước phân tươi, nước giải tưới trực tiếp cho cây trồng. Hoạt động này vừa gây ô nhiễm môi trường vừa ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm cây trồng.

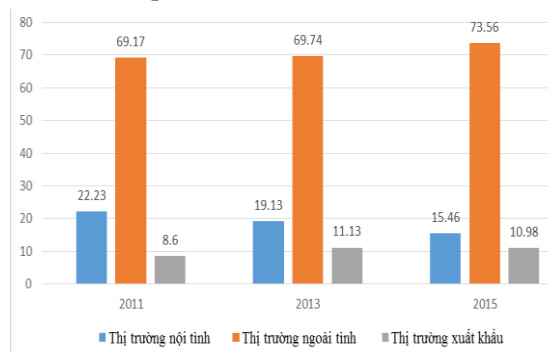
Việc sử dụng phân đạm tùy tiện không cân đối với các loại phân bón khác làm cho hàm lượng nitrat tích lũy trong cây trồng cao gây ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng. Vì vậy cần thay đổi cách nhìn nhận của người sản xuất, hướng cho họ một phương hướng mới, khuyến khích người dân nên sử dụng phân bón hữu cơ, phân bón sinh học để hạn chế việc sử dụng đạm nhưng vẫn mang lại hiệu quả trồng trọt cao.

#### *Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm vụ đông*

Vị trí địa lý và những thuận lợi về hệ thống giao thông nên Thái Bình có điều kiện để tiếp cận được các thị trường tiêu thụ lớn như Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, các tỉnh miền núi phía Bắc. Đối với mỗi thị trường thì có những tiêu chuẩn khác nhau về chủng loại, chất lượng, giá cả sản phẩm. Nhìn chung, qua khảo sát các doanh nghiệp và lãnh đạo địa phương cho thấy sản phẩm vụ đông của Thái Bình ngoài việc cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng trong tỉnh thì phần lớn đang được tiêu thụ ở các tỉnh miền núi phía Bắc, Hải Dương, Hưng Yên, do yêu cầu về chất lượng sản phẩm không cao.

Năm 2011 lượng sản phẩm vụ đông chủ yếu nhằm phục vụ cho tiêu dùng trong tỉnh (22,23%), đối với tiêu thụ ngoài tỉnh. Hiện nay, tiêu thụ nông sản của Thái Bình chủ yếu tại các tỉnh miền núi phía Bắc (chiếm 23,14%) tổng sản lượng nông sản vụ đông, chủ yếu là Sơn La, Điện Biên. Một phần sản lượng được tiêu thụ ở các tỉnh lân cận như Hải Dương (12,41%) và Hưng Yên (12,17%). Thị trường Hà Nội tiêu thụ rất ít chỉ đạt 7,43%. Lượng sản phẩm vụ đông phục vụ xuất khẩu rất thấp (8,6%) với sản phẩm chủ yếu là ớt, hành tỏi, ngô ngọt; các loại nông

sản không có khả năng bảo quản như rau xanh, cải bắp rất ít được xuất khẩu.



**Hình 1:** Thị trường tiêu thụ sản phẩm cây vụ đông ở Thái Bình

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát, 2015)

Một là, phát triển hình thức tiêu thụ, kênh tiêu thụ: Hiện nay, các hộ nông dân trồng cây vụ đông chủ yếu tiêu thụ sản phẩm qua hai hình thức: Tiêu thụ trực tiếp và tiêu thụ gián tiếp. Tiêu thụ trực tiếp có lợi ở chỗ giá cao nhưng quy mô tiêu thụ không nhiều trong khi tiêu thụ gián tiếp lại phù hợp với những hộ có quy mô sản xuất lớn và thiếu sức lao động.

Đối với sản phẩm cây vụ đông thì các hộ chủ yếu tiêu thụ theo hình thức gián tiếp, bán cho các tư thương đến mua tại nhà. Một số ít sản phẩm được tiêu thụ trực tiếp. Cụ thể, cây ớt có tỉ lệ tiêu thụ gián tiếp cao nhất trong các cây chiếm 94,17%; cây đậu tương và khoai tây với tỉ lệ tương ứng là 72,5% và 78,75%. Nguyên nhân chủ yếu do các loại cây trồng này hiện nay đang được các doanh nghiệp thu mua nhằm chế biến; Đối với cây ớt, hầu hết diện tích trên địa bàn tỉnh hiện nay do các doanh nghiệp liên kết với dân từ khâu đầu vào, sản xuất và bao tiêu sản phẩm.

Hình thức bán trực tiếp phổ biến với các loại cây truyền thống như rau, cây khoai lang, dưa các loại vì diện tích trồng của các hộ thường nhỏ lẻ, manh mún. Bên cạnh đó, các loại sản phẩm này dễ dàng tiêu thụ trên thị trường địa phương và một phần sản phẩm dùng cho nhu cầu gia đình nên khối lượng sản phẩm tiêu thụ ít. Khi áp dụng cách bán trực tiếp thì người dân bán được giá cao hơn nhưng sản lượng tiêu thụ chậm, khó khăn hơn hình thức tiêu thụ gián tiếp.

Hai là, phát triển các liên kết trong tiêu thụ sản phẩm vụ đông: Vai trò của mỗi liên kết "bốn Nhà" được đặt ra từ năm 2002 với Quyết định 80/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về khuyến khích tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng (Quyết định 80). Tiếp theo đó là các chính sách hỗ trợ, thúc đẩy việc thực hiện như: Chỉ thị 25/2008/CT-TTg về việc tăng cường chỉ đạo tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng; Chỉ thị 1965/CT-BNN-TT năm 2013 về việc đẩy mạnh liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo mô hình cánh đồng mẫu lớn... Tuy nhiên, mỗi liên kết "bốn Nhà" ở Thái Bình vẫn còn lỏng lẻo, các mối liên kết dọc và ngang hình thành và phát triển khó khăn.

Cụ thể, mỗi liên kết giữa doanh nghiệp (DN) và nông dân, nông dân và nông dân trong các hợp tác xã (HTX), tổ hợp tác, câu lạc bộ khuyến nông vẫn khá lỏng lẻo, không gắn kết được lợi ích và trách nhiệm của các bên với nhau... Việc bao tiêu sản phẩm qua hợp đồng vẫn chỉ là hình thức, thể hiện tính pháp lý thấp, chưa ràng buộc rõ ràng giữa người bán và người mua. Trong khi đó, vai trò liên đới giữa "4 nhà" lại thiếu chặt chẽ và chưa mang tính đồng bộ. Chính quyền (Nhà nước) chưa có chế tài cụ thể nên khó xử lý khi xảy ra vi phạm hợp đồng giữa các bên. Vì thế, thời gian qua còn xảy ra tình trạng DN và nông dân phá vỡ hợp đồng khi có sự biến động về giá, thị trường tiêu thụ.

Phần lớn người dân liên kết gián tiếp với các doanh nghiệp trong cung ứng vật tư thông qua 2 kênh chính: các đại lý, cửa hàng vật tư và

các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, do đó thực tế hiện nay không có hộ dân nào mua trực tiếp đầu vào từ doanh nghiệp.

### Hiệu quả một số cây vụ đông chính

**Một là**, hiệu quả kinh tế: Tổng hợp kết quả và hiệu quả một số cây trồng chủ lực của các nhóm hộ điều tra tại 3 huyện nghiên cứu vụ đông 2015 ở tỉnh Thái Bình (xem bảng 7).

*Đối với cây ớt*: Giá trị sản xuất của các nhóm hộ khá đạt trên 21 triệu đồng/sào cao hơn hộ trung bình và hộ nghèo chỉ đạt 11 triệu đồng/sào. Đây cũng là cây trồng mang lại giá trị gia tăng tương đối cao nhưng chi phí đầu tư cũng lớn đang gây trở ngại cho những hộ có mức thu nhập trung bình và thấp.

*Đối với cây ngô đông, cây đậu tương*: Hiệu quả của nhóm cây trồng này ở các nhóm hộ yếu cao hơn so với các hộ có thu nhập khá. Đặc biệt một đồng đầu tư so với chi phí trung gian thu được cao hơn các nhóm khác. Nguyên nhân của thực tế trên là do hộ nghèo đầu tư phân bón ít hơn hộ trung bình.

*Đối với cây khoai tây, bắp cải*: Đây là những cây trồng đang mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người nông dân. Giá trị gia tăng trên một công lao động khá cao đạt trên 300 nghìn/lao động/công. Đây cũng là nhóm cây trồng đòi hỏi đầu tư cao nên đối với các hộ yếu việc đầu tư sản xuất mở rộng là tương đối khó khăn.

**Hai là**, hiệu quả xã hội: Hiệu quả xã hội của sản xuất cây vụ đông thể hiện trên hai khía cạnh đó là nâng cao thu nhập của người sản xuất và tạo việc làm cho người lao động.

**Bảng 6.** Hộ dân tham gia vào các hình thức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây vụ đông

Năm	Vật tư					Sản xuất				Tiêu thụ		
	Tự mua	HTX	Đại lý	Liên kết	Tự sản xuất	HTX	DN	Liên kết	Tự bán	HTX	DN	Tiểu thương
2005	7,78	81,11	11,11	11,11	71,11	-	-	28,89	27,78	-	-	72,22
2007	15,56	65,56	18,89	11,11	62,22	-	11,11	26,67	41,11	-	11,11	47,78
2009	14,44	62,22	23,33	14,44	50,00	-	18,89	31,11	38,89	-	18,89	42,22
2011	12,22	62,22	25,56	18,89	30,00	-	22,22	47,78	57,78	-	22,22	20,00
2013	8,89	41,11	50,00	22,22	30,00	-	22,22	47,78	60,00	-	22,22	17,78

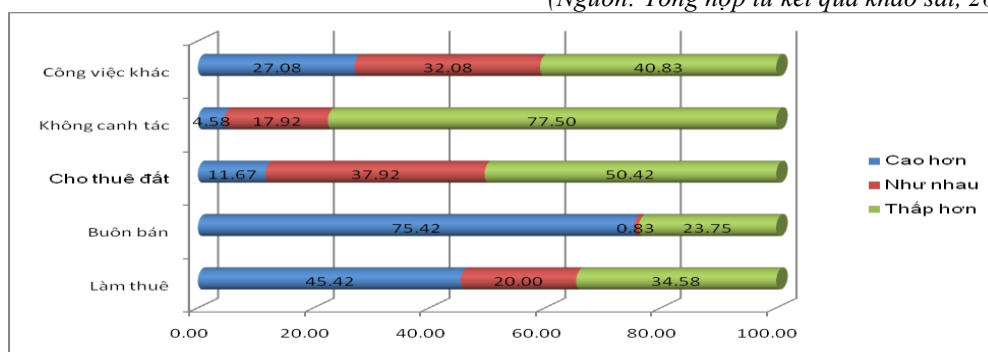
(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát, 2015)

**Bảng 7.** Hiệu quả của một số loại cây vụ đông chính theo nhóm hộ

Đơn vị tính: tính trên 1 sào Bắc bộ

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Nhóm hộ khá	Nhóm hộ Trung bình	Nhóm hộ nghèo	BQ chung
<b>I Cây ớt</b>						
1	Giá trị sản xuất (GO)	1000 đồng	21.012	18.231	11.508	16.917
2	Giá trị GT (VA)	1000 đồng	12.712	10.331	5.508	9.517
3	GO/IC	đồng	2,53	2,31	1,92	2,29
4	VA/LĐ	đồng	471	383	204	352
<b>II Ngô</b>						
1	Giá trị sản xuất (GO)	1000 đồng	1.910	2.187	2.413	2.170
2	Giá trị GT (VA)	1000 đồng	756	1.033	1.259	1.016
3	GO/IC	đồng	1,66	1,90	2,10	1,89
4	VA/LĐ	đồng	151	207	252	203
<b>III Đậu tương</b>						
1	Giá trị sản xuất (GO)	1000 đồng	2.167	2.260	2.314	2.247
2	Giá trị GT (VA)	1000 đồng	967	1.060	1.114	1.047
3	GO/IC	đồng	1,81	1,88	1,93	1,87
4	VA/LĐ	đồng	161	177	186	175
<b>IV Khoai tây</b>						
1	Giá trị sản xuất (GO)	1000 đồng	3.797	4.453	3.600	3.950
2	Giá trị GT (VA)	1000 đồng	1.797	2.453	1.600	1.950
3	GO/IC	đồng	1,90	2,23	1,80	1,98
4	VA/LĐ	đồng	300	409	267	325
<b>V Bắp cải</b>						
1	Giá trị sản xuất (GO)	1000 đồng	8.489	7.231	5.781	7.167
2	Giá trị GT (VA)	1000 đồng	5.689	4.431	2.981	4.367
3	GO/IC	đồng	3,03	2,58	2,06	2,56
4	VA/LĐ	đồng	569	443	298	437

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát, 2015)



**Hình 2.** Đánh giá của hộ dân về việc so sánh thu nhập từ sản xuất vụ đông với các hoạt động tạo thu nhập khác

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát, 2015)

**Nâng cao thu nhập của người sản xuất:** Kết quả khảo sát dựa trên việc đánh giá về thu nhập của việc trồng cây vụ đông so với các hoạt động khác trong khoảng thời gian này như làm thuê, buôn bán, cho thuê đất, không canh tác, lựa chọn khác cho thấy đánh giá của hộ khảo sát về thu nhập có sự khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn hộ dân cho rằng nếu có điều kiện thì việc kinh doanh, buôn bán sẽ mang

lại thu nhập cao hơn cho họ trong khoảng thời gian từ tháng 9 đến tháng 12. Trong khi đó, một số lao động nữ tham gia phỏng vấn cho rằng đây là giai đoạn thị trường người giúp việc rất lớn và thu nhập tương đối cao, dao động từ 3 - 4 triệu đồng/tháng, đây là thu nhập lý tưởng của nhiều hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

*Tạo việc làm cho lao động:* Thực tế tạo việc làm là ưu tiên hàng đầu trong phát triển vụ đông ở tỉnh Thái Bình, do đối với đa số lao động nông nghiệp hiện nay từ trên 45- 50 tuổi nên trong giai đoạn nông nhàn rất khó có cơ hội tìm kiếm việc làm mới. Như trên đã chỉ ra rằng ngoài những cơ hội không quá rõ rệt trong việc làm thuê, buôn bán thì những lựa chọn khác không quá khả thi đối với người lao động trong khoảng thời gian này.

**Ba là, hiệu quả môi trường:** Bên cạnh tác động về kinh tế và xã hội, phát triển vụ đông đã mang đến tác động tích cực về môi trường: Sử dụng hiệu quả nguồn lực (72,08%), tăng hiệu quả sử dụng hóa chất và thuốc bảo vệ thực vật (37,08%), và bồi dưỡng, cải tạo đất, tăng độ phì (72,92%), mức độ tùy thuộc vào điều kiện liên kết và yêu cầu sản xuất khác nhau.

#### GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG TẠI TỈNH THÁI BÌNH

##### **Một là, điều chỉnh và quản lý quy hoạch**

Dựa trên các nguyên tắc của quy hoạch và quy hoạch phát triển nông nghiệp của tỉnh Thái Bình, nghiên cứu đề xuất quy hoạch một số cây vụ đông chủ lực như sau:

*Quy hoạch phát triển cây ớt:* Coi đây là cây trồng chủ lực trong thời gian tới của huyện Quỳnh Phụ và huyện Hưng Hà và tập trung ở các xã có địa hình vòm cao như: An Ấp, An Quý, An Vinh, An Cầu, Đông Hải, Quỳnh Hội... (huyện Quỳnh Phụ); Phúc Khánh, Tây Đô, Hồng Minh, Hồng An, Duyên Hải, Văn Lang, Hùng Dũng (huyện Hưng Hà) ...

*Quy hoạch phát triển cây rau màu các loại ở các huyện có điều kiện tưới tiêu và trình độ thâm canh cao như:* TP. Thái Bình, huyện Đông Hưng... theo hình thức rau an toàn.

*Quy hoạch phát triển cây ngô ngọt ở huyện Vũ Thư và các xã ven đê sông Luộc của huyện Quỳnh Phụ.* Đối với cây ngô chăn nuôi định hướng phát triển Tiền Hải, Kiến Xương.

*Tập trung quy hoạch phát triển vùng hành tỏi hàng hóa ở huyện Thái Thụy.*

Quan trọng hơn trong công tác quy hoạch là UBND tỉnh, huyện và các xã trong vùng quy hoạch cần có những công cụ hữu hiệu để quản lý quy hoạch, có thể mạnh dạn xác định

hộ dân nào sau một vụ bỏ đất hoang, sau hai vụ trồng cây trồng không theo quy hoạch buộc phải đổi đất cho hộ có nhu cầu để canh tác cây trồng theo quy hoạch.

##### **Hai là, về nguồn lực phát triển cây vụ đông**

*Về vốn sản xuất:* Ngoài việc thực hiện các chủ trương, chính sách và tăng cường cơ sở vật chất của địa phương thì nguồn vốn đầu tư cho phát triển sản xuất cây vụ đông vẫn gặp nhiều khó khăn. Để người sản xuất yên tâm đầu tư canh tác thì việc nâng cao khả năng tiếp cận vốn chính thống cho người sản xuất là rất cần thiết, thông qua các giải pháp: nới rộng điều kiện vay vốn, giảm bớt thủ tục hành chính ở cấp xã thôn, rút ngắn thời gian giải ngân.

*Nâng cao trình độ cho người sản xuất:* Ngoài việc tuyên truyền vận động các hội viên phát triển sản xuất cây vụ đông, có thể thành lập thi đua sản xuất giữa các tổ sản xuất với nhau xem hộ nào sản xuất cho năng suất cao nhất, tuyên dương các hộ tích cực trong sản xuất, đạt năng suất cao. Bên cạnh đó các tổ chức Hội cần xây dựng mô hình mẫu để các hội viên học tập, trao đổi kinh nghiệm.

##### **Ba là, phát triển hệ thống hạ tầng**

Cần hoàn thành nâng cấp cải tạo hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi theo hướng kiên cố hóa để sử dụng tiết kiệm nước và chủ động tưới tiêu phục vụ phát triển sản xuất vụ đông. Hệ thống giao thông cũng cần hoàn thiện hơn nữa nhằm phục vụ cho công tác đi lại, buôn bán của người dân.

Song song với phát triển hệ thống hạ tầng, tỉnh cần có chính sách cụ thể khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân đầu tư xây dựng nhà máy bảo quản, chế biến nông sản trên địa bàn bằng các chính sách thuê đất với giá thấp hơn, nhằm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, đồng thời giúp doanh nghiệp chế biến tiết kiệm được chi phí vận chuyển nhờ gần nguồn nguyên liệu.

##### **Bốn là, phát triển thị trường và tiêu thụ sản phẩm**

*Tổ chức cung cấp thông tin thị trường:* Chính quyền các cấp cần nghiên cứu xây dựng hệ thống cung cấp thông tin từ trung ương đến các địa phương; phải có đội ngũ chuyên gia



có khả năng dự báo thị trường, kịp thời phổ biến để các hộ chủ động có kế hoạch sản xuất và giảm thiểu được những rủi ro về giá khi tham gia thị trường. Làm tốt công tác xúc tiến thương mại cho cán bộ cấp xã, huyện; mời gọi các nhà đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp; tổ chức các đoàn tham quan học tập, liên kết với các tỉnh bạn trong việc tiêu thụ sản phẩm nhằm hiểu rõ thông tin thị trường phục vụ tốt cho việc định hướng sản xuất.

*Tổ chức thị trường tiêu thụ theo hướng tập trung:* Các hộ sản xuất với quy mô lớn nên thành lập tổ hợp tác chuyên tiêu thụ sản phẩm, đầu tư kho lạnh, phương tiện vận chuyển lớn; tăng cường thu gom sản phẩm của các hộ nhỏ vào để mở rộng thêm dịch vụ tiêu thụ sản phẩm.

Lập mối quan hệ lâu dài giữa những người lưu thông phân phối với người sản xuất thông qua các hợp đồng kinh tế, giao kèo mà đại diện là HTX, tổ hợp tác; vì hợp đồng là một cơ cấu quan trọng để điều phối sản xuất, phân phối và bán lẻ sản phẩm giữa những người tham gia khác nhau trong chuỗi giá trị.

Đối với các chợ tiêu thụ sản phẩm cây vụ đông thì nên bố trí các mặt hàng theo từng khu để tiện cho mua bán, quản lý.

Ngoài việc vận chuyển bán cho các chợ đầu mối lớn thì một số sản phẩm vụ đông như rau các loại, đậu đỗ, khoai tây nên tập trung vào các đối tượng khác như các cơ quan, trường học, những doanh nghiệp có tổ chức bếp ăn. Bởi đây là những địa chỉ tiêu thụ thường có nhu cầu về khối lượng lớn và yêu cầu về chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm cao.

## KẾT LUẬN

Trong những năm qua sản xuất cây vụ đông ở tỉnh Thái Bình đã đạt được một số thành tựu nhất định với các loại cây trồng có giá trị như cây đậu tương, rau, ớt, khoai tây có xu hướng tăng về diện tích với tỉ lệ tăng tương ứng là 125,22%, 24,62%, 40,21%, 27,22%. Trong khi đó các cây trồng khác như ngô, khoai lang có xu hướng giảm, tỉ lệ giảm tương ứng là 24,20%, 24,72%. Hiện nay hình thức sản xuất chủ yếu trên địa bàn tỉnh vẫn chủ yếu là hộ gia đình nhưng xu hướng người dân hợp tác trong sản xuất ngày càng tăng với việc hình

thành các tổ hợp tác trong sản xuất cũng như các liên kết giữa tổ hợp tác với các doanh nghiệp. Việc tiêu thụ sản phẩm cây vụ đông tuy có những thuận lợi song về lâu dài cần phải tính đến phương án liên kết bền vững.

Lợi thế theo vùng cũng được phản ánh rõ qua thực trạng phát triển cây vụ đông, khu vực có địa hình vòm cao phù hợp với phát triển cây ớt với giá trị sản xuất cao hơn là 18,733 triệu đồng/sào so với các khu vực khác chỉ từ 15-16 triệu đồng/sào. Khu vực bãi bồi ven sông phù hợp với việc phát triển ngô đông. Phát triển vụ đông không chỉ mang lại hiệu quả về mặt kinh tế mà còn mang lại nhiều giá trị về xã hội và môi trường.

Cần thực hiện đồng bộ các giải pháp về kỹ thuật đặc biệt nhấn mạnh về giống, kỹ thuật canh tác theo các quy trình sản xuất an toàn; các giải pháp về hoàn thiện và quản lý quy hoạch vùng sản xuất tập trung; huy động hỗ trợ các nguồn lực cho phát triển cây vụ đông trong đó ưu tiên giải pháp huy động vốn nhanh thông qua hoạt động vay tín chấp. Ngoài ra, tăng cường công tác khuyến nông, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo tổng kết ngành Nông nghiệp & PTNT tỉnh Thái Bình năm 2013, 2014, 2015, 2016 của Sở nông nghiệp & PTNT Thái Bình.
2. Báo cáo Tổng kết nông nghiệp năm 2013-2015 của UBND Huyện Quỳnh Phụ, Hưng Hà, Kiến Xương, Thái Thụy, Tiền Hải, Đông Hưng.
3. Đề án Sản xuất vụ mùa, vụ đông (2013, 2014, 2015, 2016) của UBND tỉnh Thái Bình.
4. Đề án sản xuất vụ mùa, vụ đông năm 2013-2016 của UBND Huyện Quỳnh Phụ, Đông Hưng, Thái Thụy, Vũ Thư, thành phố Thái Bình.
5. Đề án tích tụ ruộng đất tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016 – 2020, định hướng 2030.
6. Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp Thái Bình giai đoạn 2016 – 2020.
7. Nghị quyết số 02 của BCH Đảng bộ tỉnh Thái Bình khóa 17 nhiệm kỳ 2005 - 2010 về phát triển cây màu cây vụ đông.
8. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Quỳnh Phụ, huyện Thái Thụy, thành phố Thái Bình nhiệm kỳ 2015 - 2020.
9. Niên giám thống kê tỉnh Thái Bình năm 2013-2015.
10. Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ 19 nhiệm kỳ 2015 - 2020.

## SUMMARY

**DEVELOPING THE WINTER CROP PRODUCTION IN THAI BINH PROVINCE****Nguyen Van Nhiem<sup>1\*</sup>, Nguyen Thi Minh Hien<sup>2</sup>**<sup>1</sup>People's Committee of Quynh Phu district, Thai Binh province<sup>2</sup>Viet Nam National University of Agriculture

The winter crops increasingly play an important role in efficient use of resources in the agricultural production of Thai Binh province, contributing to create jobs and increase income for rural labors. Development of winter crop in Thai Binh province has achieved significant results at all aspects: acreage, production forms, infrastructure, resources, production, cultivation techniques, consumption, links and socio-economic, and environmental efficiency. Besides, there are many challenges related to the stability of consumption, productive resources, cooperation and links in production and consumption. This study aims to assess the development status of winter crop in Thai Binh province, which proposes some main measures to strengthen winter crop development in the study area.

**Key words:** *Solution, development, winter crops, Thai Binh*

Ngày nhận bài: 12/10/2016; Ngày phản biện: 25/10/2016; Ngày duyệt đăng: 24 /01/2017

**Phản biện khoa học:** TS. Nguyễn Tiến Long - Trường Đại học Kinh tế & QTKD - ĐHTN

---

\* Tel: 0982 010374, Email: nhiemnp@yahoo.com.vn